

Số: **562** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **21** tháng 11 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động
tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 503/QĐ-TTr ngày 19/9/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Công ty Cổ phần cảng Hải Phòng, địa chỉ: Số 8A Trần Phú, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; ngày 02/10/2019, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 23/10/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 92,56% vốn.
- Năm thành lập: 2008.
- Tên cơ quan chủ quản: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần thứ 08 ngày 12/10/2018.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: Bốc xếp, giao nhận và bảo quản hàng hóa, dịch vụ kho bãi.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, 06 phòng nghiệp vụ, 02 trung tâm, 02 chi nhánh hạch toán phụ thuộc.
- Điện thoại giao dịch: 0225.3859945; Fax: 0225.3859973.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: Số 8A Trần Phú, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Số tài khoản 02001010006187 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Sở giao dịch Hà Nội.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 1.493 người.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Số lao động tuyển mới trong thời kỳ thanh tra: 14 lao động.
- Hình thức và phương thức tuyển, quy chế tuyển dụng lao động: Đã xây dựng quy chế tuyển dụng lao động và ban hành kèm theo Quyết định số 3098/QĐ-CHP ngày 23/9/2015 của Tổng Giám đốc và thực hiện theo quy chế tuyển dụng, cụ thể: Doanh nghiệp ban hành thông báo tuyển dụng và niêm yết tại trụ sở, đăng báo, sau đó áp dụng hình thức xét tuyển.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.
- Doanh nghiệp không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.
- Việc tổ chức đào tạo, học nghề, tập nghề cho người lao động: Doanh nghiệp không trực tiếp đào tạo nghề cho người lao động. Người lao động sau khi được tuyển dụng vào doanh nghiệp và ký hợp đồng lao động được đào tạo nghề, chi phí đào tạo nghề do doanh nghiệp chi trả.
- Đã ký hợp đồng thử việc đối với 14 người, doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc người lao động theo đúng quy định.

- Tình hình tăng, giảm lao động hàng năm: Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tuyển dụng 14 lao động và giảm 408 lao động, cụ thể: 09 người nghỉ chế độ hưu trí, 399 người chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra).

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 12 người (thành viên Hội đồng quản trị).
- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 1478 người; đã ký hợp đồng lao động với 1.478/1.478 người thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 1.471 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 07 người.

- Hợp đồng thử việc: 03 người, thực hiện theo quy định.

- Số lao động thuê lại: Không.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 399 lao động thôi việc; có 368/399 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, đã được chi trả với tổng số tiền là 2,004 tỷ đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và Thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã thực hiện đối thoại tại nơi làm việc định kỳ 03 tháng/lần.

- Nội dung đối thoại được ghi nhận và ký kết trong biên bản hội nghị đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

- Hồ sơ TULĐTT có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã ký kết TULĐTT và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Đối với bộ phận gián tiếp (khối văn phòng), doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày; ngày nghỉ hàng tuần là thứ bảy, chủ nhật.

- Đối với bộ phận trực tiếp sản xuất, doanh nghiệp bố trí làm việc 03 ca.

- Đã thực hiện áp dụng thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 6 giờ/ngày.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm. Kiểm tra bảng chấm công tháng 5/2019 của bộ phận sản xuất trực tiếp, người lao động làm thêm cao nhất là 16 giờ (ông Vũ Ngọc Lâm), bảo đảm không quá 30 giờ/tháng theo quy định.

- Đối với bộ phận sản xuất trực tiếp, doanh nghiệp tổ chức người lao động làm việc vào ngày lễ, tết, làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã bố trí người lao động nghỉ ít nhất 04 ngày/tháng.

- Doanh nghiệp đã thực hiện các quy định về nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Doanh nghiệp áp dụng số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày chưa kể thâm niên; lao động làm các công việc

nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày chưa kể thâm niên; lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 16 ngày chưa kể thâm niên.

6. Tiền lương và thu nhập

6.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

6.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động

Doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động và đăng ký thang lương, bảng lương với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

a. Mức lương bình quân (MLBQ) theo thang lương, bảng lương:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	MLBQ (triệu đồng)	Số lao động	MLBQ (triệu đồng)
Lao động quản lý	9	14,330	8	14,405
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	228	6,930	214	7,052
Công nhân trực tiếp SXKD	698	6,300	646	6,636
Nhân viên thừa hành phục vụ	787	6,292	730	6,384

b. Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCBQ): Không phát sinh.

6.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Hằng năm, khi xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương thực hiện, Tổng Giám đốc doanh nghiệp đã gửi phương án sử dụng lao động và xây dựng quỹ tiền lương xin ý kiến người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp về các chỉ tiêu xây dựng, nguyên tắc xây dựng quỹ tiền lương; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã có văn bản báo cáo và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty về các chỉ tiêu, nguyên tắc giao quỹ tiền lương của doanh nghiệp, cơ quan đại diện phần vốn nhà nước đã có ý kiến đề người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến với Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt quỹ tiền lương của doanh nghiệp.

- Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017: 511.472 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018: 473.569 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017: 423.730 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018: 433.066 triệu đồng.

- Đã xây dựng Quy chế tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 3204/QĐ-CHP ngày 10/10/2016 và Quyết định số 1279/QĐ-CHP ngày 25/5/2019 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp;

- Việc phân phối quỹ tiền lương đối với người lao động

Căn cứ các quy định của pháp luật và các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của chủ sở hữu, doanh nghiệp trả lương cho người lao động:

Năm 2017: Năng suất đạt 104%; lợi nhuận đạt 119%.

Năm 2018: Năng suất đạt 118%; lợi nhuận đạt 115,4%

- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ thực hiện theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm thực hiện theo quy định.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có lao động bị ngừng việc.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: Trong thời kỳ thanh tra, đã khấu trừ tiền lương 23 trường hợp phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp do làm hư hỏng thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại về tài sản. Mức khấu trừ lương hàng tháng không quá 30% tiền lương hàng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập.

6.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: 720.000 đồng/người tháng, để đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hàng tháng chi 20.000 đồng/công (ca).

- Các khoản phụ cấp khác: Phụ cấp tổ trưởng, phụ cấp an toàn vệ sinh viên, phụ cấp khuyến khích, phụ cấp Hội cựu chiến binh.

- Tiền lương và thu nhập bình quân thực tế của người lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đ/ng/tháng	16,690	14,126	7,440	16,920	14,570	8,460
2	Thu nhập	Triệu đ/ng/tháng	17,360	14,720	8,000	17,640	15,260	9,030

6.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

6.2.1. Tiền lương

Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trình chủ sở hữu phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý.

Căn cứ vào quỹ tiền lương, doanh nghiệp tạm ứng lương hàng tháng cho người quản lý theo nội quy khối gián tiếp phục vụ.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trình chủ sở hữu quỹ tiền lương thực hiện làm căn cứ quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý, cụ thể:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý đại diện phần vốn là 5.435,82 triệu đồng và doanh nghiệp xây dựng quỹ lương người quản lý không đại diện phần vốn là 3.336,18 triệu đồng, tổng quỹ tiền lương của người quản lý là 8.772 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người quản lý tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng là 7.528 triệu đồng.

- Số lượng người quản lý: 10 người, trong đó:

+ Số lượng thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách: 03 người.

+ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 07 người.

- Thù lao của người quản lý: Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền lương, thù lao năm 2017, năm 2018 của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đ/ng/tháng	101,583	66,466	52,190	97,257	14,570	52,765
2	Thù lao	Triệu đ/ng/tháng	2,4	2,4	2,4	1,2	0,9	0,6

6.2.2. Tiền thưởng

- Quỹ tiền thưởng của người quản lý: Hàng năm căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ sở hữu phê duyệt quỹ thưởng người quản lý. Trên cơ sở quỹ tiền thưởng được phê duyệt, doanh nghiệp ban hành Quyết định số 3195/QĐ-CHP ngày 26/11/2018 về phân phối quỹ thưởng người quản lý.

- Các thu nhập khác: Không

- Phân phối tiền thưởng đối với người quản lý năm 2017, 2018:

+ Thông qua chủ sở hữu và theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Trên cơ sở quỹ thưởng được thông qua, thực hiện phân phối cho từng người.

- Tiền thưởng, thu nhập năm 2017, năm 2018 của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền thưởng	Triệu đ/ng/tháng	70,000	53,575	23,750	70,358	59,934	58,632
2	Thu nhập	Triệu đ/ng/tháng	109,116	76,250	57,474	103.603	81,000	58,151

6.3. Trách nhiệm của người đại diện phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị để quyết định phê duyệt kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với Hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phân vốn nhà nước.

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã phân loại lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 636 người.

- Đã thống kê lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 992 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động theo quy định (ban hành tại Quyết định số 2422/QĐ-CHP ngày 26/8/2019 của Tổng giám đốc).

- Đã bố trí 04 người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, trong đó có 03 người chuyên trách.

- Đã bố trí 19 người làm công tác y tế, trong đó có 09 bác sỹ.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 129 máy, thiết bị (34 bình chịu áp lực, 15 cần trục, 03 cầu trục, 53 công trục, 33 xe nâng hàng, 03 thang máy), trong đó đã kiểm định kỹ thuật an toàn đối với 129 máy, thiết bị và còn hạn kiểm định.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động (1.493 người).

- Đã trang bị và lập sổ cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành máy, thiết bị và đề ra các biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại tương đương mức 10.000 đồng/người/ca làm việc.

- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra: 06 vụ, trong đó:

+ Số vụ tai nạn chết người: 03 vụ, số người tử vong: 03 người;

+ Số vụ tai nạn nặng: 03 vụ, số người bị thương: 03 người.

Doanh nghiệp đã khai báo tất cả các vụ tai nạn lao động với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng, 06 vụ tai nạn đã được điều tra (đã lập biên bản điều tra tai nạn lao động, đã tổ chức công bố biên bản điều tra tai nạn lao động); đã thực hiện chế độ đối với người bị tai nạn lao động và thân nhân của người tử vong do tai nạn lao động theo quy định; số người được đưa đi giám định và đã được bố trí trở lại làm việc: 02 người, còn 01 người chưa được giám định, lý do: đang điều trị vết thương.

- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động, tổng số mẫu đã đo: 417 mẫu, số mẫu đạt tiêu chuẩn: 417 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; khám sức khỏe cho lao động nữ; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám ít nhất 06 tháng một lần và đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động theo quy định.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật

- Tổng số lao động nữ: 338 người. Việc thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ: Doanh nghiệp không bố trí lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con dưới 12 tháng tuổi đi công tác xa nhà, làm việc vào ban đêm và làm thêm giờ; lao động nữ trong thời gian hành kinh mỗi ngày được nghỉ 30 phút được hưởng nguyên lương, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày 60 phút để cho con bú hưởng nguyên lương, làm việc tại những nơi có yếu tố nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại.

ar/

+ Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có lao động nữ bị xử lý kỷ luật lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có lao động là người cao tuổi, lao động là người khuyết tật.

8.2. Đối với lao động là người nước ngoài: Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.3. Đối với lao động chưa thành niên: Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động, ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-TGD ngày 07/01/2014 của Tổng Giám đốc. Nội quy lao động đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng tiếp nhận ngày 06/3/2014.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp xử lý kỷ luật lao động 66 người (khiển trách bằng văn bản: 51 người; sa thải: 15 người), trình tự, thủ tục theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Không có.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 23 trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

10. Tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có phát sinh đình công và tranh chấp lao động.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHTN, BHYT, BHXH: 1.493 người.

- Số người đã tham gia BHTN, BHYT, BHXH bắt buộc: 1.493 người.

- Đã phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định.

- Số sổ BHXH đã được cấp: 1.493 sổ.

- Tiền BHXH, BHYT, BHTN đóng cho người lao động được doanh nghiệp trích lập theo mức lương chức danh công việc (tiền lương theo hệ số lương trong hệ thống thang lương, bảng lương đã đăng ký với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không chậm nộp tiền BHTN, BHYT, BHXH.

12. Khiếu nại về lao động: Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có khiếu nại về lao động.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Nội dung của Thỏa ước lao động tập thể chủ yếu nêu lại các quy định của pháp luật lao động là chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Bộ luật Lao động.

2. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ quy định tại Điều 154 Bộ luật Lao động.

3. Điều 3 Nội quy lao động có nội dung “tổ chức làm việc với ca 12 giờ” là chưa đúng quy định tại Điều 104 Bộ luật Lao động.

IV. KIẾN NGHỊ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng Giám đốc doanh nghiệp khắc phục sai phạm/thiếu sót nêu tại phần III trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận này.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, yêu cầu Tổng Giám đốc doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (để biết);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra;
- Lưu TTr, Hồ sơ.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp